

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

SƠN NGỌC HOÀNG

**ÂM NHẠC NGHI LỄ DÂN GIAN
TRONG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI KHMER
Ở SÓC TRĂNG**

Chuyên ngành: Văn hoá dân gian
Mã số: 62 22 01 30

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI – 2016

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học:

TS. Phú Văn Hãn

PGS. TS. Trần Thế Bảo

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Tú Hương

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Việt Hương

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân,
Hà Nội vào hồi.....giờngàythángnăm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Học viện Khoa học xã hội
- Thư viện Quốc gia

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thể loại *Âm nhạc nghi lễ dân gian của người Khmer* (NLDGK)^(*) vùng Nam bộ, đặc biệt là tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói chung và ở Sóc Trăng nói riêng có những nét đặc trưng, độc đáo riêng. NLDGK đã góp phần vào việc định hình diện mạo nền âm nhạc dân gian (ANDG) cổ truyền trên vùng đất Nam bộ, góp phần bảo tồn và phát triển nền âm nhạc truyền thống Việt Nam.

Tác động của xu hướng toàn cầu hóa, sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa, âm nhạc nước ngoài trong đời sống âm nhạc, bên cạnh đó là sự thiếu hiểu biết về nền âm nhạc truyền thống của đại đa số quần chúng nhân dân,, nhất là thế hệ trẻ người Khmer đã khiến cho NLDGK đang rơi vào tình trạng mai một. Mặt khác, việc truyền dạy ANDG cho thế hệ trẻ Khmer không còn được quan tâm, các nghệ nhân am tường ANDG đang ngày càng mất dần kéo theo sự thất truyền các bài bản âm nhạc trong NLDGK. Đó là những lý do khiến cho NLDGK khó có thể tồn tại hoặc không thể bảo lưu hoàn toàn. Hơn nữa, cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu NLDGK một cách có hệ thống từ trong dân gian để bảo tồn. Do đó, cần phải nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện, có hệ thống khoa học để bảo tồn và phát huy các giá trị của NLDGK ở Sóc Trăng trong đời sống xã hội hiện đại là một yêu cầu mang tính cấp thiết.

Những vấn đề nêu trên là lý do chúng tôi chọn đề tài “*Âm nhạc nghi lễ dân gian trong văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng*”.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Thời kỳ trước năm 1975, có nhiều công trình nghiên cứu về người Khmer ở ĐBSCL với những nét đặc thù phát triển. Giai đoạn từ sau năm 1975, nhất là thời kỳ đổi mới đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến người Khmer Nam bộ trên các lĩnh vực và đã công bố nhiều công trình, tác phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn. Có thể nhìn tổng quan như sau:

Các công trình nghiên cứu “*Tìm hiểu vốn văn hóa Khmer Nam bộ*” (1988); “*Vấn đề dân tộc ở ĐBSCL*” (1991); “*Văn hóa Nam bộ trong không gian xã hội Đông Nam Á*” (2000); “*Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Sóc Trăng*”(2002); “*Nghi lễ vòng đời người Khmer tỉnh Sóc Trăng*”(2010) của Võ Thành Hùng, “*Lễ cưới của người Khmer ở Sóc Trăng*” (2014) của Sơn Lương v.v...

Nhìn chung, các công trình kể trên chủ yếu nghiên cứu về vấn đề lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng của người Khmer, không đề cập đến lĩnh vực âm nhạc truyền thống của người Khmer ở vùng Nam bộ.

Các tác phẩm nghiên cứu về “*Dân ca Nam bộ*” của nhóm tác giả: Lư Nhật Vũ, Lê Giang, Nguyễn Văn Hoa. Công trình nghiên cứu “*Nhạc khí dân tộc Khmer Nam bộ*” (2005) và “*Nhạc khí dân tộc Khmer Sóc Trăng*”(2007) của nhóm tác giả: Sơn Ngọc Hoàng, Đào Huy Quyền, Ngô Khi; Hoàng Túc với “*Diễn ca Khmer Nam Bộ*” (2011); Công trình nghiên cứu “*Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*” do Ngô Đức Thịnh chủ biên (2012). Ngoài ra, còn có một số sách bằng tiếng Khmer đã được xuất bản tại Campuchia như: Hun Sa Rinh (2004) với “*Khmer orchestra*” (Dàn nhạc Khmer); Bộ Giáo dục Thanh niên và Thể thao Campuchia (2001) với “*Tuyển tập truyền thuyết Khmer*”; Keo Na Rum (1995) với “*Âm nhạc gắn với Phong tục của đời người Khmer*” v.v...

Các công trình nghiên cứu nói trên đã nghiên cứu một cách tổng quát về nền văn hóa nghệ thuật, âm nhạc truyền thống của người Khmer từ trong xã hội cổ truyền, là nguồn tư liệu có giá trị cho chúng tôi tham khảo, làm cơ sở so sánh, đối chiếu trong đề tài luận án.

Tóm lại, tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề cho thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu khá toàn diện về văn hóa truyền thống của người Khmer Nam bộ. Đó là những công trình nghiên cứu đáng tin cậy được dùng làm tư liệu tham khảo cho đề tài luận án này. Tuy nhiên, việc nghiên cứu mang tính chuyên sâu, toàn diện và có hệ thống khoa học về NLDGK ở Sóc Trăng trong giai đoạn hiện nay thì vẫn đang còn bỏ ngỏ.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài Luận án có tên là: “*Âm nhạc nghi lễ dân gian trong văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng*” nhằm những mục tiêu nghiên cứu sau:

Nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về thể loại ANDGK và các giá trị của NLDGK ở Sóc Trăng nhằm nêu bật diện mạo và ý nghĩa của nó trong xã hội cổ truyền. Đồng thời, nghiên cứu sự tồn tại và biến đổi của NLDGK trong xã hội hiện đại. Hệ thống hóa bài bản âm nhạc, hệ thống các nhạc khí trong dàn nhạc của NLDGK ở Sóc Trăng. Làm nổi bật những đặc điểm mang tính đặc thù, phong cách của một thể loại ANDG truyền thống dân tộc. Nhận diện các giá trị đặc trưng của NLDGK, trên cơ sở thực tế, đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị của NLDGK ở Sóc Trăng trong xã hội hiện đại.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là *Âm nhạc nghi lễ dân gian trong văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng*” và những khía cạnh liên quan.

Phạm vi giới hạn của đề tài luận án là: Nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về thể loại ANDG sử dụng trong hai nghi lễ dân gian là *lễ Cưới và lễ Tang* truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng. Những khía cạnh liên quan tới nó trên địa bàn là các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Sóc Trăng, cụ thể là: huyện Trần Đề, huyện Kế Sách, huyện Mỹ Tú, huyện Thạnh trị, thị xã Vĩnh Châu và thành phố Sóc Trăng. Thời gian nghiên cứu: từ năm 2012 – 2015.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án “*Âm nhạc nghi lễ dân gian trong văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng*” sử dụng những phương pháp nghiên cứu như sau: Phương pháp nghiên cứu liên ngành: Văn hóa học và âm nhạc học, Phương pháp điền dã dân tộc học, Phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu và tổng hợp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của đề tài luận án: “*Âm nhạc nghi lễ dân gian trong văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng*” mang ý nghĩa cả về mặt *Khoa học và thực tiễn*.

+ *Về mặt khoa học*: Luận án cho thấy, NLDGK là một thành tố vô cùng quan trọng, góp phần cùng với thực hành nghi lễ để thể hiện hệ thống đức tin, cũng như thực hiện các chức năng khác của nghi lễ đối với cá nhân và cộng đồng người Khmer. Luận án làm rõ các giá trị của di sản văn hóa dân tộc trong xã hội cổ truyền, đồng thời làm nổi bật những đặc điểm của hệ thống NLDGK, những biến đổi của nó trong bối cảnh tác động của toàn cầu hóa hiện nay.

+ *Về mặt thực tiễn*: Từ thực tế khảo sát trên một địa bàn tiêu biểu, luận án đã chỉ ra những biểu hiện kế thừa, biến đổi và xác định khả năng bảo lưu, phát huy và phát triển thể loại NLDGK ở Sóc Trăng trong xã hội đương đại. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần bảo tồn và phát huy ANDGK trong đời sống văn hóa của người Khmer hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa ngoài việc góp phần làm tư liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học, trong thực tiễn quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa dân tộc, việc xác định những yếu tố học thuật cũng đóng góp quan trọng cho việc tham khảo trong sáng tác, biểu diễn, giảng dạy và học tập âm nhạc truyền thống của người Khmer nói riêng, và âm nhạc, văn hóa của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung.

7. Cấu trúc của luận án

Luận án gồm 150 trang chính văn, bao gồm phần mở đầu (09 trang) và phần kết luận (06 trang), bốn chương theo trình tự như sau:

Chương 1: *Cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho việc nghiên cứu âm nhạc nghi lễ dân gian của người Khmer ở Sóc Trăng (35 trang).*

Chương 2: *Âm nhạc trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng (34 trang).*

Chương 3: *Âm nhạc trong lễ tang truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng (31 trang).*

Chương 4: *Một số đặc điểm âm nhạc của nhạc lễ dân gian người Khmer ở Sóc Trăng (35 trang).*

Ngoài ra, Luận án còn các phần: Chú thích, Danh mục các công trình của tác giả Luận án, Tài liệu tham khảo (116 tài liệu), Danh mục băng đĩa (05 đĩa) do tác giả Luận án thu thập trong quá trình đi khảo sát thực địa, Phụ lục hình ảnh, Phụ lục về các truyện tích, truyền thuyết Khmer và Phụ lục ký âm bài bản âm nhạc do tác giả thực hiện.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN CHO VIỆC NGHIÊN CỨU ÂM NHẠC NGHI LỄ DÂN GIAN CỦA NGƯỜI KHMER Ở SÓC TRĂNG

1.1. Một số cơ sở lý thuyết nghiên cứu âm nhạc nghi lễ dân gian

Nghi lễ (Rites) được hiểu là: do nhu cầu tiếp xúc và khẩn cầu thế giới thần linh mà các nghi lễ được hình thành ngay từ thời nguyên thủy và phát triển thành hệ thống. Nghi lễ thường đi đôi với nhạc. Lễ và Nhạc là triết lý chủ yếu của tôn giáo có tác dụng chuyển hoá con người và xã hội. Nhạc và Lễ đã ăn sâu vào quan niệm sống của xã hội thời xưa, ảnh hưởng vào nếp sống xã hội Á Đông ngày nay.

Nghi lễ vòng đời người là cách ứng xử của cộng đồng người đối với một cá nhân, đó cũng là phương thức ứng xử đối với toàn bộ xã hội và toàn bộ thế giới tự nhiên bao quanh con người. *Nghi lễ chuyển đổi* gắn với từng tộc người, mỗi tộc người có một chuỗi các nghi lễ chuyển đổi với những nội dung, hình thức biểu hiện khác nhau tùy thuộc vào đẳng cấp xã hội, giới tính, nghề nghiệp, tuổi tác... Trong thực hành nghi lễ nói chung, nghi lễ chuyển đổi nói riêng, âm nhạc là một thành tố đóng một vai trò quan trọng và luôn tồn tại trong các nghi lễ.

Trên cơ sở phân tích các lý thuyết nghiên cứu về âm nhạc nghi lễ cho thấy, âm nhạc là một thành tố luôn gắn liền với những thực hành nghi lễ vòng đời và sự chuyển đổi của con người. Dựa trên lý thuyết biến đổi văn hóa, lý thuyết chuyển đổi vòng đời và lý thuyết nghiên cứu âm nhạc nghi lễ, chúng tôi vận dụng, tiếp cận để qua đó, nghiên cứu, phân tích nhằm để nhận diện rõ các chiều cạnh thể hiện của NLDGK trong đời sống văn hóa ở Sóc Trăng hiện nay.

1.2. Tổng quan về nền văn hóa truyền thống và NLDGK ở Sóc Trăng

Sóc Trăng là 1 trong 13 tỉnh, thành thuộc khu vực ĐBSCL, nằm trong vùng hạ lưu sông Hậu. Sóc Trăng có địa giới hành chính tiếp giáp: Phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang; Phía Tây Nam giáp tỉnh Bạc Liêu; Phía Đông Bắc giáp tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long; Phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông. Dân số tính đến cuối năm 2012, tỉnh Sóc Trăng có 1.304.965 người; trong đó: Kinh (838.288 người, chiếm 64,23 %), Khmer (400.733 người, chiếm 30,71%), người Hoa (65.515 người, chiếm 5,03%) và các dân tộc khác chiếm 0,032%.

Tổ chức xã hội cơ sở của người Khmer ở Sóc Trăng là “*Phum*” và “*Sróc*”. Văn hóa vật chất của người Khmer mang đậm đà bản sắc tộc người vùng Nam bộ - Việt Nam, được thể hiện rõ nét trên nhiều lĩnh vực như *nhà ở, trang phục truyền thống, ẩm thực, sản xuất nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ...*

Về văn hóa tinh thần: * *Tôn giáo tín ngưỡng dân gian*: người Khmer ở Sóc Trăng hầu hết (99%) đều theo đạo Phật Tiểu thừa (*Theravada*). Trong xã hội người Khmer, ngoài việc thờ đức Phật là chính, vẫn còn tồn tại nhiều hình thái nghi lễ, cúng kiến khác mang đậm sắc thái văn hóa dân gian bản địa.

* *Văn học - Nghệ thuật truyền thống*: Bản sắc văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng biểu hiện rõ nét qua các loại hình nghệ thuật truyền thống như: *Nghệ thuật Âm nhạc, Nghệ thuật múa, Nghệ thuật tạo hình, Nghệ thuật Sân khấu*. Mỗi loại hình mang một sắc thái riêng và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Văn học dân gian bao gồm: *thơ ca, ca dao, tục ngữ, truyện cổ, câu đố...*

* *NLDGK* là một thành tố trong kho tàng ANDG, ANTG và âm nhạc nghi lễ được dung hợp, hòa nhập với nhau để cùng tồn tại và phát triển. NLDGK ở Sóc Trăng bao gồm hệ thống bài bản nhạc hát, nhạc đàn, tổ chức dàn nhạc nhằm phục vụ cho các thực hành nghi lễ dân gian trong những môi trường tương ứng.

1.3. Những thực hành âm nhạc nghi lễ dân gian người Khmer ở Sóc Trăng

Trong xã hội cổ truyền, người Khmer ở Sóc Trăng thực hành các nghi lễ dân gian bao gồm *lễ cưới, lễ tang, lễ hội và lễ tế*. Trong mỗi nghi lễ khác nhau, âm

nhạc với các bài bản, nội dung được trình tấu tùy theo từng nghi thức khác nhau. NLDGK ở Sóc Trăng hiện nay vẫn còn được bảo lưu chủ yếu trong hai nghi lễ quan trọng nhất là: *lễ cưới* và *lễ tang* truyền thống.

1.4. Giá trị văn hóa thể hiện qua nhạc lễ dân gian người Khmer ở Sóc Trăng

1.4.1. Mối quan hệ giữa âm nhạc và tôn giáo

Tôn giáo vừa có vai trò chi phối hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, vừa có vai trò quan trọng trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, đặc biệt là âm nhạc. Đạo Phật đã dung hòa nghệ thuật ANDG bản địa với nền ANTG để tạo thành nghệ thuật âm nhạc truyền thống Khmer giàu bản sắc dân tộc.

1.4.2. Vai trò, chức năng của âm nhạc dân gian trong nghi lễ cổ truyền

Âm nhạc là một thành tố quan trọng trong hệ thống nghi lễ. Âm nhạc được thể hiện bằng giọng điệu cầu nguyện, tụng kinh, ca hát, nhảy múa, bằng những pháp khí, nhạc khí... nhằm góp phần mang đến sự thanh tịnh, trang nghiêm cho buổi lễ, hay mang đến cho người tham dự những cảm xúc thăng hoa hoặc hưng phấn trong nội tâm. Âm nhạc có vai trò dẫn dắt, liên kết các nghi thức, làm tăng thêm tính trang nghiêm cho buổi lễ. Vai trò quan trọng nhất của âm nhạc được xem là một trong những ngôn ngữ giao tiếp giữa con người với thần linh.

1.4.3. Âm nhạc và múa thiêng trong nghi lễ dân gian

Múa nghi lễ (múa thiêng) cũng đóng một vai trò quan trọng trong thực hành các nghi lễ dân gian nhằm thể hiện nội dung và ý nghĩa của từng lễ thức. Âm nhạc được xem là linh hồn của múa thiêng, có vai trò, chức năng để dẫn dắt vị chủ lễ thực hành múa thiêng trong nghi lễ truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng.

1.4.4. Văn hóa nhận thức thể hiện qua thực hành nghi lễ dân gian

Quan niệm “*âm dương lưỡng hợp*” thể hiện qua: *con số, hình khối, màu sắc, phương hướng* và *âm nhạc*.

- *Về con số*: thể hiện ở số lượng, chất liệu, tính chất lễ vật, công cụ làm lễ, số lần khăn vái và các động tác hành lễ...

- *Về hình khối*: Tam giác ứng với nghĩa biểu tượng số 3: Tam bảo Treraphona: “*Phật- Pháp- Tăng*”; Thế giới có 3 thành phần: “*Bhu- Bhuv- Swar*”; Thời gian phân 3 Trikala: “*Quá khứ- hiện tại- tương lai*”...

- *Về màu sắc*: Trong lễ cưới, lễ thức “*Cat phka sla*” có “*Bay sây*” với bông hoa cau màu trắng có dây vải đỏ; Trong lễ tang, cờ tang và chỉ buộc cho người chết đều có màu trắng.

- *Về phương hướng*: hướng Đông là hướng mặt trời mọc (dương), hướng của sự sống. Hướng Tây là hướng mặt trời lặn (âm) hướng của sự chết.

- *Về âm nhạc*: Triết lý âm – dương được thể hiện thông qua tên gọi bài bản âm nhạc, sự cấu trúc về thang âm điệu thức, cơ cấu nhạc khí trong tổ chức dàn nhạc...

1.5. Nhạc lễ dân gian của người Khmer ở Sóc Trăng tiếp biến những yếu tố văn hóa âm nhạc các cộng đồng dân tộc ở Nam bộ

1.5.1. Yếu tố văn hóa Ấn Độ trong NLDGK ở Sóc Trăng

Nền văn hóa truyền thống của người Khmer đã tiếp nhận và tiếp biến một cách sâu sắc nền văn hóa cổ Ấn Độ, được biểu hiện trong các loại hình nghệ thuật truyền thống, văn học dân gian, thơ ca... và trong các nghi lễ dân gian. Nội dung trong từng lễ thức của nghi lễ đều dựa trên một truyền thuyết, một truyện tích nằm trong kinh điển Phật giáo và trong kho tàng văn học nghệ thuật của Ấn Độ.

1.5.2. Yếu tố văn hóa Đông Nam Á trong NLDGK ở Sóc Trăng

Hệ thống NLDGK Sóc Trăng có những điểm tương đồng với hệ thống âm nhạc truyền thống các dân tộc vùng ĐNA, đặc biệt là trong dàn nhạc Pinn Peat có các nhạc khí thuộc họ gõ (*thuộc họ Màng rung – Membranophone*; và họ *Tự thân vang – Idiophone*) với số lượng khá lớn. Các nhạc khí trong dàn nhạc lễ cưới của người Khmer thuộc họ Hơi (*Aerophone*) và họ Dây (*Chordophone*) cũng có đặc điểm tương đồng với các nước ĐNA. Yếu tố tương đồng đó được dựa trên nền tảng của nền văn minh nông nghiệp lúa nước và trên cơ tầng văn hóa ĐNA cổ đại.

1.5.3. Yếu tố giao lưu tiếp biến giữa NLDGK với nhạc lễ dân gian người Việt và người Hoa ở Sóc Trăng

NLDGK ở Sóc Trăng và *Nhạc lễ Nam bộ* của người Việt có tính giao thoa với nhau. Do cộng cư với nhau từ lâu đời, nên các quan hệ về hôn nhân, quan hệ huyết thống đã làm cho hai dân tộc anh em gắn kết với nhau trong thực hành các nghi lễ. Đối với người Hoa, nhạc lễ dân gian của người Hoa và NLDGK ở Sóc Trăng có mối giao thoa với nhau lâu đời và luôn có mặt trong thực hành các lễ cưới, lễ tang của người Hoa, cũng như đối với các gia đình có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống giữa người Việt – Hoa hoặc Khmer – Hoa hiện nay.

****Tiểu kết***

Trên cơ sở nghiên cứu những lý thuyết và thực tiễn đã cho thấy:

Về mặt lý thuyết, dựa trên cơ sở các lý thuyết nghiên cứu về nghi lễ và âm nhạc nghi lễ dân gian, từ đó phân tích, lý giải nhằm để nhận diện thể loại NLDGK trong xã hội cổ truyền của người Khmer ở Sóc Trăng. Thể loại NLDGK trong lịch sử phát triển của mình, đã mang dấu ấn của sự dung hợp nhiều nền văn hóa khác nhau, đặc biệt là sự tiếp nhận và tiếp biến nền văn hóa Ấn Độ, Đông Nam Á và cộng đồng các dân tộc cùng cộng cư tại vùng đất Nam bộ.

Về mặt thực tiễn, trên cơ sở nghiên cứu những đặc điểm về lịch sử, văn hóa vật chất và tinh thần của tộc người Khmer ở Sóc Trăng để qua đó, cho một cái nhìn khách quan về diễn trình lịch sử cũng như tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích về thể loại NLDGK hiện nay. Các giá trị của NLDGK cũng như các giá trị văn hóa đã được biểu hiện một cách sinh động qua thực hành NLDGK. Tất cả những vấn đề nêu trên là cơ sở khoa học để chúng tôi đi sâu vào nghiên cứu NLDGK. Từ đó, có định hướng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa trong NLDGK ở Sóc Trăng nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

CHƯƠNG 2

ÂM NHẠC TRONG LỄ CƯỚI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHMER Ở SÓC TRĂNG

2.1. Những thành tố của âm nhạc trong lễ cưới truyền thống người Khmer ở Sóc Trăng

2.1.1. Hệ thống bài bản âm nhạc lễ cưới truyền thống của người Khmer

Lễ cưới của người Khmer ở Sóc Trăng được tổ chức theo phong tục cổ truyền (*Bô ran*) có thể nói, là một chặng đường thực hành những lễ nghi, trò diễn nối tiếp nhau. Giai điệu mỗi bài ca, bản nhạc được sử dụng như một phương tiện chuyển tải nội dung của nghi lễ. Xét theo góc độ ý nghĩa sử dụng, thì mỗi nội dung đều có một vai trò và vị trí nhất định, gắn kết với quá trình hành lễ của vị Môha. Cùng với âm nhạc, múa nghi lễ cũng đóng một vai trò quan trọng bởi phần lớn bài ca, bản nhạc trong các nghi thức của lễ cưới truyền thống đều gắn kết với múa.

Âm nhạc trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng được diễn trình trong không gian hành lễ như sau:

- *Nghi thức: Lễ cắt hoa cau (Pithi cắt phka sla)*: có các bài hát “*Mlup đôông*” và bài “*Phkar lor mêk*”. Buổi tối ngày đầu tiên, dàn nhạc lễ cưới sẽ trình bày bản nhạc “*Hum Rôông*” để mở đầu cho lễ cưới.

- *Nghi thức: Đưa chú rể sang nhà gái (He phle chho)*: Trên suốt đường đi, dàn nhạc vừa đàn vừa hát bài “*Đâm rây thngôn phluk*” và bài “*Đâm rây Xo*”.

- *Nghi thức “Mở cổng rào” (Bok rôbon)*: có 3 bài hát “*Rom bok rôboong*”.

- *Nghi thức “lễ Cắt tóc”(Pithi Kăt Xók)*: Có các bài hát “*Kăt Xok*” (3 bài) và bài “*Phat Chêay*”. Sau lễ cắt tóc, người ta đưa cô dâu chú rể đi tắm gội sạch sẽ. Bài “*Tropeang Pêây*” được hát lên trong thời điểm này.

- *Nghi thức “lễ trình diện Nec Ta” (Pithi thay Neak Ta)*: chú rể được đưa đến trình diện Neak ta, có bản nhạc “*Nôkô Rêach*” tạo sinh khí cho buổi lễ.

- *Nghi thức “Lễ tụng kinh cầu phước”*: vào buổi tối, người ta mời 5 vị sư sãi đến tụng kinh chúc phúc cho đôi tân hôn.

- *Nghi thức “lễ Nhuộm răng” (Pithi thvor thmênh neang neak)*: dàn nhạc hòa tấu bản nhạc “*Preah Thông- Neang Neak*” ca ngợi tình yêu của đôi trai gái.

- *Nghi thức “Lễ đón giờ tốt” (Pithi duôc Pêlea)*: dàn nhạc hòa tấu bản nhạc “*Kang Soi*”. Sau đó, có bài hát “*Thngay tr’ong kroluôch*”.

- *Nghi thức “Rước chú rể vào nhà cưới”*: có hát bài “*Xđach đơ*”.

- Nghi thức: *Cắt hoa cau (Pithi Dôth Phka sla)*: có những lời giáo huấn (gọi là “*Gia huấn ca*”) cho cô dâu chú rể. Đặc biệt, riêng đối với cô dâu cũng được dạy về “*Tám gương đạo đức của nàng Visakha*”.

- Nghi thức “*Dâng tặng hoa cau*” (*Pithi chuôn phka sla*): dàn nhạc hòa tấu khúc nhạc “*Preah Thông – Neang Neak*” và ca diễn bài “*Chao Priêm*”.

- Nghi thức “*múa Vén màn hoa chúc*» (*Rom Bot Veng Nôn*): các bài hát: “*Bok Weng nôn*”, “*Xrây On*”, “*Xrây Nô*”, “*Xrây Chhmoong*”, “*Xarai num nuôn*”...

- Nghi thức “*lễ xoay vòng đèn Pô-pul*” (*Bonh Vél Pô-pul*): Bài hát “*Phat Chêay*” được ông Môha hát ứng khẩu trong giờ phút thiêng liêng này.

- Nghi thức “*Múa mở nắp mâm trầu*” (*Rom bot bai sây*): ông Môha trình diễn các động tác múa thiêng và hát bài “*Kon xeng kro hom*”.

- Nghi thức “*lễ cột tay*” (*Pithi Chon đay*): có bài hát “*Bai khon chon đay*” và bài “*Bek Chan*”.

- Nghi thức “*Lễ rắc hoa cau*” (*Pithi Bach phka sla*): Ông Môha làm lễ với điệu múa “*Rắc hoa cau*” và ngâm những câu thơ chúc tụng.

- Nghi thức “*lễ Quét chiếu*” (*Rom Bôs kanh têt*): ông Môha thực hiện động tác múa thiêng và ngâm những bài thơ chúc tụng cho cô dâu chú rể.

- Nghi thức “*Vào phòng tân hôn*”: Cô dâu chú rể bước vào phòng tân hôn, ông Môha cầm thanh đao múa theo điệu “*múa cuốn chiếu*” và ngâm những câu thơ chúc tụng. Dàn nhạc diễn tấu lại bản nhạc “*Pres Thông- Neang Neak*”.

- Nghi thức “*lễ động phòng*” (*Pithi Phsom đom nêk*): Buổi tối là lễ động phòng của đôi vợ chồng mới. Trong thời điểm này, dàn nhạc trình tấu bản “*Preah Thông – Neang Neak*”. Lễ cưới đến đây được coi là kết thúc.

Trong lúc tiễn khách ra về, dàn nhạc sẽ trình diễn các bài hát như: “*Mê t’rây*”, “*Amăt Tây*”, “*Xâm puu thoi*” và một số bài dân ca Khmer dùng để chào đón khách đến dự lễ cưới, như: “*Um tuk*”, “*Xarikakeo*”, “*Alê*”v.v...

2.1.2. Hệ thống nhạc khí trong dàn nhạc lễ cưới người Khmer xưa và nay

** Nhạc khí trong dàn nhạc lễ cưới ngày xưa của người Khmer:*

Biên chế dàn nhạc lễ cưới ngày xưa có 07 nhạc cụ, gồm: *Pây Puôc, Pây O, đàn Truô Khmer, Khse Diêu, Chapây Chomriêng, 02 Skô Dây và Chung.*

** Nhạc khí trong dàn nhạc lễ cưới ngày nay của người Khmer:*

Biên chế như sau: *Khlôy, đàn Truô Sô, đàn Truô U, đàn Khum Tôch, đàn Tà Khê, trống Skô Chhơ và Chung;* đôi lúc còn có thêm *Krap* hoặc *Lôô.*

Mỗi nhạc khí khi diễn tấu đều thể hiện vai trò, chức năng của mình về mặt biểu cảm âm thanh – nhạc điệu, đồng thời còn thể hiện phần ý nghĩa biểu tượng – biểu trưng cho phần tâm linh tín ngưỡng và xúc cảm của con người.

2.2. Múa thiêng trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng

Múa thiêng được trình diễn qua sự kết hợp chặt chẽ với các bài bản âm nhạc, góp phần làm cho lễ cưới tăng thêm ý nghĩa nội dung và là một hình thức diễn xướng dân gian tổng hợp rất sinh động, hấp dẫn, phong phú và độc đáo.

2.3. Văn hóa nhận thức thể hiện qua thực hành lễ cưới truyền thống Khmer

Người Khmer có nhận thức sâu sắc về quan niệm “*Âm dương lưỡng hợp*” được thể hiện qua: *con số, phương hướng và âm nhạc.*

- *Về con số*, biểu thị quan niệm âm dương – tốt xấu được thể hiện như sau:

+ *Các con số lẻ*: *Số 1*: có 1 đầu heo; người con gái chỉ được tổ chức đám cưới một lần trong cuộc đời; *Số 3*: ăn trầu cau (03 lần), múa mở cổng rào (03 lần)... *Số 5*: truyền đèn pôpul với 5 cặp nến, mời 5 vị sư đến tụng kinh chúc phúc... *Số 7*: không cưới hỏi vào tháng 7; *Số 9*: số thiêng, số lớn nhất trong dãy số nguyên.

+ *Các con số chẵn*: *Số 2*: lễ vật mang sang nhà gái phải đủ cặp: 2 cái Thon rôn, cặp đôi chú rể cô dâu và chú rể, cô dâu phụ; Trong lễ xoay đèn Pôpul, cặp đèn cây màu đỏ biểu hiện biểu tượng phồn thực Linga – Yuni (âm – dương); *Số 4*: 4 bà phụ nữ tán ở 4 góc mừng đêm động phòng; *Số 6*: thứ 6 trong tuần là ngày tốt (thngay sóc= ngày hoàng đạo). *Số 2-4-6 và 8* tượng trưng cho những cặp đôi hoàn hảo âm – dương. - *Về phương hướng*, hướng Đông là hướng của sự sống (Dương): trong lễ cưới, đón lấy giờ tốt theo hướng Đông, bàn thờ Phật theo hướng Đông, lễ chúc phúc cô dâu, chú rể luôn quay về hướng Đông...

- Về âm nhạc, nhận thức theo quan niệm âm dương lưỡng hợp như sau:

+ Nhạc khí : bao gồm các cặp đôi trong dàn nhạc: đàn Truô U (trầm) - Truô Sô (bổng); cặp Skôr Kar (1 trống đục, 1 trống cái); cặp Krap gồm Krap chmôl (Krap trống) và Krap Nhye (Krap mái).

+ Thang âm- điệu thức thể hiện: Kết hợp dạng thức, điệu thức biến thể...

+ Bài bản âm nhạc: Các bài hát ngợi ca tình yêu nam nữ, hạnh phúc lứa đôi: “Preah Thông – Neang Neak”, “Kất Xok”, “Tropeng Pêây”, “Bai khanh chon đay”, “Kon xeng kro hom”...Có một số bản nhạc dùng để cúng kiến trời đất và giao tiếp với thần linh: “Hum rôông”, “Nôkôr Rêach”, “Kang Soi”...

***Tiểu kết**

Lễ cưới truyền thống của người Khmer là một hình thức nghệ thuật diễn xướng dân gian tổng hợp sinh động, phong phú và độc đáo. Xét về lĩnh vực âm nhạc, các bài ca, bản nhạc trong lễ cưới truyền thống đã góp phần làm giàu thêm cho kho tàng dân ca, dân nhạc của người Khmer Nam bộ và còn được bảo lưu, gìn giữ từ thế hệ này sang thế hệ khác cho đến hôm nay. Âm nhạc trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng là một di sản văn hóa phi vật thể quý giá. Thực hành âm nhạc lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng là một hiện tượng văn hóa tộc người, là một hoạt động văn hóa nghệ thuật dân gian dân tộc mang ý nghĩa và giá trị đặc biệt.

CHƯƠNG 3

ÂM NHẠC TRONG LỄ TANG TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHMER Ở SÓC TRĂNG

3.1.Những thành tố của âm nhạc lễ tang truyền thống người Khmer Sóc Trăng

3.1.1. Hệ thống bài bản âm nhạc nghi lễ tôn giáo người Khmer Sóc Trăng

Hiện nay, ở Sóc Trăng chỉ sử dụng khoảng 21 bài bản trong các nghi lễ tôn giáo như sau: trong lễ Phật đản (Bonh Pisakh Bôchea) có 07 bài; trong lễ An vị

Phật (*Bonh Putthea Phisek*) có 12 bài; trong lễ cầu an, cầu siêu (*Bonh Băng skôl*) và Lễ đại cầu siêu (*Chhak môha băng skôl*) có 16 bài được sử dụng.

3.1.2. Hệ thống bài bản âm nhạc trong lễ tang truyền thống Khmer

Âm nhạc trong lễ tang truyền thống của người Khmer bao gồm 12 bài dành cho khí nhạc được quy định cho từng nghi thức cụ thể như sau:

- Giai đoạn đầu tiên là nghi thức “*sau khâm liệm*”: bài *Sa thô ka* (bài Tổ) và 05 bài chính thức là: *Krau Nây*, *Krau Not*, *Chong Not*, *Thông Dot* và *Chot*.

- Giai đoạn thứ hai là nghi thức “*Lễ động quan*”: bài “*Sorya*” (Mặt trời). Trong nghi thức “*Lễ di quan*”: bài “*Preah Thum*” và “*Kam Van*”.

- Giai đoạn cuối cùng là nghi thức “*Lễ hỏa táng*”: bài: *Sa thô ka* (bài Tổ), *Khec Mon*, *Khlo*m và *Chuôn Pô* (chúc phước lành).

3.1.3. Hệ thống nhạc khí trong dàn nhạc lễ tang truyền thống Khmer

Biên chế dàn nhạc Pinn Peat có 09 nhạc cụ: Kèn Srolai PinnPeat, đàn Rôneat Ek, Rôneat Thung, Rôneat Dek, Kuông Vông Tôch, Kuông Vông Thum, Chhung, Trống Samphô, cặp Trống Skô Thum.

3.2. Thực hành âm nhạc lễ tang truyền thống người Khmer ở Sóc Trăng

3.2.1. Thực hành lễ tang truyền thống người Khmer ở Sóc Trăng

Trong gia đình người Khmer ở Sóc Trăng, khi có người thân qua đời, ông Acha Yuki được gia chủ mời đến để thực hiện các nghi thức theo phong tục truyền thống. Đồng thời, dàn nhạc Pinn Peat của nhà chùa cũng được mời đến để phục vụ lễ tang. Hệ thống âm nhạc lễ tang của người Khmer ở Sóc Trăng sẽ được trình tấu bắt đầu từ giai đoạn sau lễ khâm liệm cho đến lễ hỏa táng.

3.2.2. Thực hành âm nhạc lễ tang truyền thống người Khmer ở Sóc Trăng

** Trình tấu bài bản âm nhạc sau lễ khâm liệm:*

Khi lễ khâm liệm đã hoàn tất, dàn nhạc lễ tang sẽ trình tấu bản nhạc Tổ “*Sa thô ka*”, sau đó là bài “*Krau Nây*” và “*Krau noth*”. Trong quá trình khách đến cúng viếng, dàn nhạc sẽ trình tấu các bản nhạc: *Chong Noth*, *Thông Dot* và *Chot*.

** Trình tấu bài bản âm nhạc trong lễ động quan và di quan*

Ông Acha Yuki múa ba vòng quanh chiếc quan tài và đọc *kinh Otarapo*. Sau đó, dàn nhạc cùng tấu lên bản nhạc “*Sôrya*” trong lễ động quan. Trên đường đưa linh cửu, dàn nhạc diễn tấu các bản nhạc “*Preah Thum*” và “*Kam van*”.

** Trình tấu bài bản âm nhạc trong lễ hỏa táng*

Dàn nhạc lễ tang trình tấu bản nhạc “*Khek Mon*”, sau đó là bản “*Khloom*”. Để kết thúc lễ hỏa táng, dàn nhạc sẽ diễn tấu bản nhạc “*Chuôn Pô*”.

3.3. Múa thiêng trong lễ tang truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng

Múa thiêng trong lễ hỏa táng gây nhiều ấn tượng với các động tác múa thiêng của ông Acha Yuki cùng một số động tác bùa phép yểm tứ phương tám hướng và diễn một số trò ma thuật...cho đến khi kết thúc lễ hỏa táng. Múa thiêng đã góp phần làm cho lễ tang tăng thêm phần trang trọng và có tính thiêng cao.

3.4. Văn hóa nhận thức thể hiện qua thực hành lễ tang truyền thống Khmer

Người Khmer có nhận thức rất sâu sắc về quan niệm “*Âm dương lưỡng hợp*” trong thực hành lễ tang, đặc biệt là về các *con số*, *phương hướng* và *âm nhạc*.

-*Về con số*: Các con số biểu thị quan niệm âm dương – tốt xấu như sau:

+ *Các con số lẻ*: *Số 1*, là số vật dụng người chết được chia phần: 1 con dao, 1 nôi đất, 1 đèn cốc, 1 trái dừa khô...; *Số 3*, nhận thức về cõi ba tầng trong vũ trụ: “*cõi Vô sắc, cõi Sắc giới và cõi Dục giới*”. *Tam bảo* thể hiện ở nắp quan tài có 3 tầng: *Phật- pháp- tăng*, lò hỏa táng có hình tam giác...; *Số 5* ứng với dàn nhạc Pin Peat sử dụng trong lễ tang; *Số 7*: đọc kinh cầu siêu cho đàn ông; *số 9*: đọc kinh cầu siêu cho phụ nữ...

+ *Các con số chẵn*: *Số 2*: cúng 2 mâm cơm cho người chết và quỷ thần; *Số 4*: cúng người chết phải có 4 thứ, gọi là tứ đại: *đất, nước, lửa, gió*, nghĩa là phải có 4 sa la thôn, 4 cờ hồn; khi di quan có 4 vị sư ở 4 góc quan tài; Ngày thứ 6 là ngày tốt (hoàng đạo); *Số 8*: có 8 thanh niên khiêng quan tài, 8 vị sư tụng kinh...

-*Về phương hướng*: hướng Đông – hướng của sự sống (dương). Hướng Tây- hướng chết (âm), nên lò hỏa thiêu quay mặt về hướng Tây. Khi người chết còn ở trong nhà, đầu quay về hướng Đông, khi mang đi hỏa táng, đầu quay về hướng

Tây. Việc đi ba vòng ngược kim đồng hồ quanh lò hỏa thiêu nằm trong quy luật chuyển động từ Đông sang Tây, tức từ Dương sang Âm...

- *Về âm nhạc*: quan niệm về *âm dương lưỡng hợp* và *nguyên lý ngũ hành*:

+ *Nhạc khí*: Đàn Rôneat Ek (chính) - Rôneat Thung, Rôneat Đek (phụ); Kuông Vông Thum (lớn) - Kuông Vông Tôch (nhỏ); Trống Samphô (2 mặt: 1 trầm, 1 bổng); 02 Skôr Thum (1 trầm, 1 bổng)...

+ *Thang âm- điệu thức*: *kết hợp dạng thức, điệu thức biến thể*.

Nhận thức về *nguyên lý ngũ hành*: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Thuyết ngũ hành, mối quan hệ giữa ngũ âm, ngũ hành, ngũ phương, ngũ sắc...là nền tảng để xây dựng nên dàn nhạc Pinn Peat được thể hiện bằng 05 âm sắc của các nhạc khí:

Tiếng *trống lớn* (đôi Skô thum): biểu tượng của *âm dương* (Thiên – địa; Trời - Đất); Tiếng vang mạnh mẽ là tượng trưng cho hành thổ, hành phong, trung tâm của ngũ hành, ngũ phương, ngũ âm, ngũ sắc; Tiếng *đàn Rôneat Đek* (chất liệu bằng sắt) ứng với hành Kim; Tiếng *đàn Rôneat Ek, Rôneat Thung* (chất liệu bằng gỗ) ứng với hành Mộc; Tiếng *kèn Srolai Pinn Peat* ứng với hành Thủy; Tiếng *đàn Kuông Vông Tôch, Kuông Vông Thum, Chhung* (chất liệu bằng đồng) ứng với hành Hỏa; Tiếng *trống Samphô* ứng với hành Thổ.

3.5. Văn hóa ứng xử thể hiện qua thực hành lễ tang truyền thống

Văn hóa ứng xử được thể hiện trên các khía cạnh: *Ứng xử giữa người sống với người chết; ứng xử với thế giới thần linh; ứng xử giữa con người với nhau; ứng xử với môi trường tự nhiên và ứng xử với âm nhạc*.

- Văn hóa ứng xử giữa người sống đối với người đã chết được thể hiện qua việc thực hiện các lễ cầu siêu, việc mang vật cúng dâng lên Phật và sư sãi để chuyển đến với người thân sống ở thế giới bên kia.

- Thần linh là một trong những thế lực đầy huyền bí và có sức mạnh vô song, nên họ luôn tôn thờ và rất nể sợ. Thần linh của người Khmer là Neak Ta (Thổ địa), Arăk (Thần bảo hộ)...

- Các vị sư, Acha Yuki là người đại diện cho Phật pháp, là những người có trách nhiệm cầu siêu để vong linh người chết sớm được siêu thoát. Do vậy, Các vật cúng trong lễ tang cũng được dâng cúng lại cho sư sãi và Acha với ý nghĩa hậu tạ những người đã có công trong việc thực hiện các nghi thức của tang lễ.

- Trong lễ tang, người Khmer dùng nước thơm (turk op) tắm cho thi hài, dùng nước dừa để rửa cốt, dùng các loại gỗ để đóng quan tài... Tất cả sản vật của tự nhiên đều được người Khmer tận dụng một cách hết sức linh hoạt và phong phú.

- Âm nhạc lễ tang của người Khmer vốn được sinh ra và phục vụ theo chức năng xã hội Phật giáo Theravada. Do vậy, người Khmer luôn xem các nhạc khí trong dàn nhạc Pinn Peat là “*các vật thiêng*” được kết tinh bởi trời đất. Âm thanh của dàn nhạc Pinn Peat là thứ ngôn ngữ để giao tiếp với thần linh và tổ tiên.

*** Tiểu kết**

Thực hành lễ tang và trình tấu âm nhạc lễ tang truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng đã biểu hiện một giá trị văn hóa cao mang tính nhân văn sâu sắc. Về phương diện âm nhạc truyền thống, có thể xem âm nhạc trong lễ tang của người Khmer là một thể loại âm nhạc chuyên nghiệp dành cho khí nhạc (nhạc đàn). Với những đặc trưng của thể loại và chức năng xã hội của nó, có thể nhận định âm nhạc lễ tang là thể loại ANDG, chứa đựng đầy đủ những yếu tố, đặc trưng của một loại hình văn hóa – nghệ thuật dân gian truyền thống. Nếu lễ tang truyền thống mất đi những tập tục cổ truyền và những thành tố quan trọng của nó là âm nhạc (hệ thống bài bản, nhạc khí) và múa thiêng sẽ dẫn đến nguy cơ mai một di sản văn hóa phi vật thể đặc trưng quý giá. Do đó, nghiên cứu âm nhạc lễ tang truyền thống của người Khmer để bảo tồn cũng chính là để bảo lưu các tập quán cổ truyền, các trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong xã hội hiện đại.

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM ÂM NHẠC CỦA NHẠC LỄ DÂN GIÀN NGƯỜI KHMER Ở SÓC TRĂNG

4.1. Đặc điểm về phong cách biểu hiện trong NLDGK ở Sóc Trăng

4.1.1. Đặc điểm về phong cách ngẫu hứng, ứng tấu, ứng khẩu trong NLDGK

Giai điệu trong âm nhạc truyền thống của người Khmer đã được sáng tạo vô cùng phong phú qua phương pháp ứng dụng thẩm mỹ rất đa dạng. Các quãng 5, quãng 3 trung tính (không phải là quãng 3 trưởng hoặc quãng 3 thứ) chính là những quãng đặc trưng tạo nên màu sắc riêng biệt, độc đáo trong ANDG của người Khmer. Trong diễn tấu, các nghệ nhân còn sử dụng cả những âm 1/3 hoặc 2/3 của một nửa cung. Đó chính là những nốt hoa mỹ, những nốt nhấn nhá rất tinh túy mang tính chất “*Hoi dân tộc*” mà các nghệ nhân Khmer thường gọi đó là “*linh hồn nhạc Khmer*” (Prolung phlêng sonh cheat Khmer) được tấu lên thông qua năng lực cảm âm rất nhạy bén và sâu sắc của của người nhạc công Khmer.

4.1.2. Đặc điểm kỹ thuật diễn tấu nhịp điệu trong NLDGK ở Sóc Trăng

Trong dân nhạc lễ cưới và dân nhạc lễ tang truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng có những nhân tố nhịp điệu cố định được diễn tấu bởi cặp trống Skôr Kar (dân nhạc lễ cưới) và chiếc trống Sam phô (dân nhạc Pinn Peat) dựa trên ba loại chủ đề nhịp điệu cổ truyền. Tuy nhiên, trong quá trình diễn tấu, người nhạc công Khmer cũng thường biến hóa tiết tấu một cách linh hoạt đầy sáng tạo.

4.2. Đặc điểm quy định cơ cấu tổ chức dàn nhạc và bài bản âm nhạc trong NLDGK ở Sóc Trăng

4.2.1. Đặc điểm quy định cơ cấu tổ chức dàn nhạc trong NLDGK ở Sóc Trăng

Trong từng nội dung tổ chức, từng nghi lễ khác nhau, người Khmer đều có những loại dàn nhạc lớn nhỏ khác nhau để phục vụ. Mỗi loại dàn nhạc đó đều được ấn định những nhiệm vụ, những quy định chặt chẽ cho từng loại hình dân nhạc với những biên chế nhạc cụ rõ ràng và hợp lý, những bài bản âm nhạc cụ thể cho từng dàn nhạc khác nhau. Do những điều quy định từ lâu đời, không cho phép

lấy dàn nhạc này thay thế cho dàn nhạc khác, lấy bản nhạc này thay cho bản nhạc khác một cách lẫn lộn, tùy tiện theo ý thích.

4.2.2. Đặc điểm quy định bài bản âm nhạc trong NLDGK ở Sóc Trăng

Trong lễ cưới truyền thống, các bài ca, bản nhạc đều mang ý nghĩa cho từng sự việc, từng nghi thức khác nhau trong nghi lễ gần như bất di bất dịch từ xưa cho đến nay. Cho nên, trong thực hành lễ cưới, các bài ca, bản nhạc đã quy định phải được sử dụng đúng lúc, đúng chỗ nhằm nhấn mạnh nội dung của từng lễ thức mà không thể lấy bài ca, bản nhạc khác thay thế được.

Âm nhạc lễ tang của người Khmer vốn có nguồn gốc từ nền âm nhạc của tôn giáo, thể hiện tính hệ thống, quy cách, khuôn mẫu và trang nghiêm. Do đã được ấn định những bài bản bắt buộc, cho nên không ai được phép thay đổi hoặc sử dụng một cách tùy tiện.

4.3. Đặc điểm thang âm – điệu thức trong NLDGK ở Sóc Trăng

4.3.1. Các loại Thang âm – điệu thức cơ bản trong NLDGK ở Sóc Trăng

- *Hệ thống Thang 4 âm*: có trong lễ cưới truyền thống như: bài “*Hom Rôông*”, “*Bok Rô boong*”, “*Kất Xook*”, “*Mê T’rây*”; bài “*Mlup đôông*”.

- *Hệ thống Thang 5 âm* : Trong lễ cưới có một số bài hát như: bài: “*A Lê*”, “*Đòm rây thngôn phluc*”, “*Thngay t’roong kro luôch*”, “*Kất Xok*”. Trong lễ tang có bài “*Chot*”, “*Chong Noth*”.

- *Hệ thống thang 6 âm*: là một dạng đặc biệt, chỉ có thang 6 âm biến thể xuất hiện trong bài bản của lễ cưới, lễ tang của người Khmer. Trong lễ cưới, bài “*Hom Rôông*”(bài 1). Trong lễ tang, bài “*Preah Thum*”, “*Kam Van*”, “*Khlo*m”.

- *Hệ thống thang 7 âm*: dàn nhạc Pinn Peat có cấu tạo thang 7 âm đều nhau (khác với thang 7 âm diatonique trong hệ thống Bình quân luật của châu Âu). Do đó, khi ký âm những bản nhạc được cấu trúc trên thang 7 âm chỉ mang tính tương đối. Trong lễ tang có bài “*Khek Mon*”, “*Krau Noth*”, “*Sorya*”.

4.3.2. Các loại thang âm kết hợp dạng thức

Sự kết hợp chuyển hệ trong NLDGK nhìn chung có ba phương thức phổ biến là: *Cùng dạng thức – khác chủ âm*; *Cùng chủ âm – khác dạng thức*; *Khác dạng thức – khác chủ âm*.

- *Phương thức thứ nhất: Cùng dạng thức – khác chủ âm.*

Trong quá trình tiến hành giai điệu, nếu tính chất thang âm điệu thức không thay đổi mà chỉ có chuyển từ bậc chủ này sang bậc chủ khác, đó là hiện tượng kết hợp “*Cùng dạng thức – khác chủ âm*”. Trong lễ cưới có bài “*Cắt Xok*”.

- *Phương thức thứ hai: Cùng chủ âm – khác dạng thức.*

Một làn điệu vẫn giữ nguyên chủ âm, nhưng từ nét sắc thái ban đầu lại xuất hiện yếu tố mới ở câu nhạc hoặc đoạn nhạc nối tiếp. Một vài âm mới xuất hiện ở nét nhạc sau và đồng thời, một vài âm ở nét nhạc trước biến mất. Đó là hiện tượng “*chuyển hệ từ dạng thức này sang dạng thức khác*”. Trong lễ cưới có các bài như: “*Bai khon chon day*”, “*Chao Priem*”...

- *Phương thức thứ ba: Khác dạng thức – khác chủ âm.*

Phương thức này được tìm thấy trong bài hát “*Xdach do*” của lễ cưới. Sử dụng trong lễ tang, có bài “*Sa tho ka*”.

Tóm lại, NLDGK bao gồm nhiều thể thang âm cùng các dạng thức vô cùng phong phú, mang tính đặc trưng và biểu hiện một sắc thái riêng biệt, độc đáo không thể nhầm lẫn với ANDG của các tộc người khác.

4.4. Tương đồng và dị biệt giữa nhạc khí trong dàn nhạc lễ dân gian của người Khmer với dàn nhạc lễ của cộng đồng các dân tộc ở Nam bộ.

Nhìn chung, *dàn nhạc dân tộc cổ truyền* của người Việt có các nhạc khí nằm trong các họ là: *họ Dây*, *họ Hơi* và *họ Tự thân vang*, dàn nhạc này có nhiều nhạc khí tương đồng với dàn nhạc lễ cưới truyền thống của người Khmer, đồng thời cũng có vài nhạc khí dị biệt. Dàn nhạc lễ tang của người Khmer chủ yếu là các nhạc khí gõ (08 nhạc khí) và hơi (01 nhạc khí) nên có nhiều điểm tương đồng với các nhạc khí trong dàn nhạc lễ Nam bộ của người Việt về chất liệu chế tác vì phần lớn dàn nhạc này là các loại kèn hơi và gõ.

Cơ cấu dàn nhạc lễ của người Hoa bao gồm nhiều nhạc khí phong phú và đa dạng thuộc họ hơi, gõ và dây. Trong đó, các nhạc khí trong dàn nhạc lễ của người Khmer và người Hoa có những tương đồng về hình thức cấu tạo, tính năng nhạc cụ và chất liệu chế tác, nhưng cũng có một vài nhạc khí dị biệt.

Nhìn chung, các nhạc khí trong dàn nhạc nghi lễ dân gian của người Khmer, người Việt và người Hoa đã có sự tương tác lẫn nhau qua quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa. Có một số nhạc khí tương đồng đã được mỗi tộc người tiếp nhận của nhau, tiếp biến, cải tiến, nâng cao và dung nạp vào các biên chế dàn nhạc để làm giàu thêm kho tàng nhạc khí của tộc người mình.

4.5. Thực hành NLDGK ở Sóc Trăng trong xã hội hiện đại

Từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 và nhất là sau thời kỳ đổi mới đến nay, phong tục tập quán và các nghi lễ dân gian của người Khmer đã có sự biến đổi đáng kể cả về hình thức lẫn nội dung. Từ biến đổi trong các nghi lễ dân gian truyền thống, nên việc tổ chức và thực hành NLDGK ở Sóc Trăng đương nhiên cũng không tránh khỏi sự biến đổi đó.

Người Khmer ở Sóc Trăng vẫn đang kế thừa, gìn giữ, bảo lưu được một số nhạc cụ dân tộc cổ truyền chính vì có các lễ cưới được tổ chức thường xuyên trong phum sóc. Hơn nữa, do có những nhạc khí đã bị hư hỏng nên đã làm phát sinh ra một kỹ năng nghề nghiệp mới là “*Chế tác nhạc cụ Khmer*”. Về bài bản âm nhạc, người Khmer vẫn lưu giữ được những bài bản cổ truyền qua phương pháp “*truyền ngón, truyền khẩu*”, không có văn bản ghi chép cụ thể. Do đó, các bài ca bản nhạc trong lễ cưới đã và đang bị mai một, thất truyền khá nhiều.

Dàn nhạc lễ tang vẫn đóng một vai trò quan trọng để phục vụ cho không gian hành lễ. Tuy nhiên, trong hầu hết các dàn nhạc Pinn Peat được trình tấu đều thiếu vắng kèn Srolai Pinn Peat vì không còn người biết sử dụng. Các bài bản âm nhạc cổ truyền dành riêng cho dàn nhạc Pinn Peat cũng đã bị thất truyền rất nhiều do không được ghi chép, không còn ai nhớ hết được.

4.6. Vai trò, giá trị của NLDGK ở Sóc Trăng

NLDGK có vai trò, giá trị lớn lao trong đời sống văn hóa của người Khmer ở Sóc Trăng. Các giá trị đó đã được thể hiện trên tất cả các bình diện: *giá trị xã hội, giá trị đạo đức, giá trị thẩm mỹ, nghệ thuật...*

4.6.1. Những giá trị về mặt xã hội

Trong thực hành các nghi lễ dân gian truyền thống, tính cộng đồng được thể hiện một cách sinh động cả về mặt tinh thần lẫn vật chất. Âm nhạc được mọi người xem là “*linh hồn*” của nghi lễ. Những nghệ nhân, nhạc công đều được tất cả mọi người tỏ lòng tôn trọng, kính nể và ngưỡng mộ. Dân nhạc nghi lễ luôn được sắp xếp một nơi rất trang trọng trong không gian hành lễ. Âm nhạc trong lễ cưới như là một thông điệp để giúp cho tình yêu đôi trai gái càng thêm bền vững hơn, các mối quan hệ trong dòng họ, huyết thống và cộng đồng xã hội của người Khmer càng được chia sẻ, gắn kết chặt chẽ hơn. Trong thực hành âm nhạc lễ tang, những người nhạc công, nghệ nhân được coi như là người đại diện cho Phật pháp của nhà chùa mang đến lễ tang những bản nhạc tôn giáo trang nghiêm, linh thiêng thay cho lời cầu nguyện nhằm chia xẻ mất mát của gia đình có người thân vừa qua đời.

4.6.2. Những giá trị về mặt đạo đức

Trong lễ cưới truyền thống của người Khmer, tính triết lý nhân sinh và các giá trị về giáo dục đạo đức, đạo lý truyền thống, lối sống ứng xử ... đã được lồng ghép một cách khéo léo vào trong từng nghi thức, từng bài ca, giáo huấn ca cụ thể. Trong lễ tang, hầu hết các nghi thức đều có nguồn gốc trong các truyện tích của kinh điển Phật giáo Khmer nhằm kêu gọi, khuyên nhủ mọi người hướng thiện. Các bài bản âm nhạc của tôn giáo được sử dụng trong lễ tang cũng có vai trò, giá trị đặc biệt, nó hàm chứa tính triết lý nhân sinh sâu sắc và giáo dục con người về lòng hướng thiện, tránh điều ác.

4.6.3. Những giá trị về mặt thẩm mỹ, nghệ thuật

Âm nhạc trong lễ cưới đã đóng góp một di sản trong kho tàng dân ca Khmer với 96 bài ca bản nhạc có giá trị nghệ thuật cao bao gồm đầy đủ các thể loại, nội

dung và tính chất âm nhạc...rất phong phú và đa dạng. Âm nhạc trong lễ tang truyền thống có một giá trị nghệ thuật quý giá, đóng góp vào kho tàng âm nhạc dân gian Khmer 12 bài bản cổ truyền dành riêng cho khí nhạc được bảo lưu cho đến ngày nay. Múa thiêng trong lễ cưới và lễ tang truyền thống của người Khmer đã đóng góp vào kho tàng nghệ thuật múa truyền thống nhiều điệu múa có giá trị nghệ thuật cao với ngôn ngữ múa mang tính đặc tả về nghi lễ.

Tóm lại, NLDGK có vai trò, giá trị rất lớn trong đời sống văn hóa của người Khmer được thể hiện trên các phương diện xã hội, đạo đức và nghệ thuật.

*** *Tiểu kết***

NLDGK ở Sóc Trăng có những đặc điểm tương đồng nhất định đối với các thể loại nhạc lễ dân gian của người Việt và người Hoa tại vùng Nam bộ qua quá trình giao lưu văn hóa. Thang âm – điệu thức trong NLDGK biểu hiện những nét đặc trưng riêng biệt. Đặc điểm về phong cách biểu hiện của NLDGK cũng đã tạo nên một sắc thái riêng rất tinh tế và độc đáo. NLKNB còn chứa đựng những giá trị lớn lao trên các phương diện xã hội, đạo đức và thẩm mỹ, nghệ thuật. Với những đặc điểm của thể loại, chức năng xã hội và những giá trị văn hóa của nó, có thể khẳng định rằng, NLDGK là một thể loại ANDG của người Khmer ở Sóc Trăng chứa đựng đầy đủ các giá trị về mặt nghệ thuật cũng như các yếu tố, đặc điểm của một loại hình văn hóa dân gian đặc sắc.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu NLDGK ở Sóc Trăng, một số nội dung khoa học đã được luận án nêu rõ:

Xét trên bình diện văn hóa tâm linh, âm nhạc là một thành tố có vị thế quan trọng trong đời sống xã hội của người Khmer. Trong các nghi lễ dân gian truyền thống, âm nhạc không phải là để giải trí, mà là thứ ngôn ngữ “*thiêng*” để giao tiếp với thần linh và các đấng siêu nhiên. Bản chất của âm nhạc nghi lễ vẫn muôn đời là tiếng nói của cõi tục với cõi thần, giữa người nay với người xưa. Thật vậy, NLDGK ở Sóc Trăng là tiếng nói từ trong tấm lòng của con người Khmer hướng

về tổ tiên, cội nguồn và lòng thành tâm đối với trời đất, thần thánh đã bảo vệ, gìn giữ cuộc sống yên bình, ấm no và hạnh phúc của họ.

Xét trên bình diện âm nhạc, NLDGK ở Sóc Trăng là thể loại âm nhạc cổ truyền đã được kế thừa, giao lưu tiếp biến và sáng tạo ngày càng thêm phong phú, đa dạng hơn. Các giá trị và sắc thái nghệ thuật đã tô đậm tính đặc trưng của loại hình NLDGK; Hệ thống hóa NLDGK không chỉ là cơ sở để xây dựng nên lý thuyết âm nhạc truyền thống Khmer mang tính học thuật, mà còn là những phát hiện về những đặc điểm mang tính chất cốt lõi của “*tinh hoa nghệ thuật dân tộc*” trong kho tàng âm nhạc truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng ngày nay.

Qua những nội dung khoa học trình bày trong luận án, việc bảo tồn và phát huy NLDGK trong bối cảnh hiện nay là điều quan trọng và cấp bách. Trong NLDGK, các giá trị ANDG được bảo tồn, điều kiện hưởng thụ văn hóa trong xã hội đương đại được kế thừa và tiếp nối. Bảo tồn và phát huy NLDGK ở Sóc Trăng không chỉ cho nền học thuật âm nhạc, mà còn vì sự gắn kết truyền thống với cuộc sống đương đại và vì sự phát triển bền vững của nền văn hóa – âm nhạc dân tộc trong thời đại ngày nay.

(*). Về mặt khái niệm, chúng tôi muốn đề cập đến thể loại âm nhạc dân gian của người Khmer ở Sóc Trăng và vùng Nam bộ được sử dụng trong các nghi lễ dân gian truyền thống, không phải là “*âm nhạc nghi lễ tôn giáo*” hoặc “*âm nhạc nghi lễ cung đình*”. Trong dân gian, người Khmer thường gọi chung là “*Nhạc lễ dân gian truyền thống Khmer*” (*Phlêng Propini Khmer* hoặc *Phlêng Bôran Khmer*) để chỉ thể loại âm nhạc này. Đây là một thể loại âm nhạc dân gian cổ truyền đã được người Khmer nói chung kế thừa từ trong xã hội cổ truyền và được bảo lưu cho đến ngày nay. Để ngắn gọn và thuận tiện cho việc nghiên cứu, từ đây và trong suốt luận án, chúng tôi sẽ gọi chung là “*Nhạc lễ dân gian Khmer*” (NLDGK).

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Sơn Ngọc Hoàng (chủ biên, 2012), *“Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Rô băm của dân tộc Khmer Nam bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”*. Công trình nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng, xuất bản năm 2012.
2. Sơn Ngọc Hoàng – Đào Huy Quyền –Ngô Khi (2007), *“Nhạc khí dân tộc Khmer Sóc Trăng”*.. Công trình nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản tổng hợp TP.HCM, năm 2007.
3. Sơn Ngọc Hoàng – Đào Huy Quyền – Ngô Khi (2005), *“Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ”* Công trình nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, năm 2005.
4. Sơn Ngọc Hoàng (2015), *Nhạc lễ Khmer Nam Bộ dưới góc nhìn Văn hóa dân gian*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 1 (157) – 2015, Viện nghiên cứu văn hóa, Hà Nội.
5. Sơn Ngọc Hoàng (2015), *Âm nhạc trong lễ cưới truyền thống của người Khmer ở Sóc Trăng*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 4 (160)-2015, Viện nghiên cứu văn hóa, Hà Nội.
6. Sơn Ngọc Hoàng (2015), *Âm nhạc trong lễ tang cổ truyền của người Khmer ở Sóc Trăng*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2 (164)-2016, Viện nghiên cứu văn hóa, Hà Nội.
7. Sơn Ngọc Hoàng (2014), *Những đặc trưng cơ bản về âm nhạc trong nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam bộ*, tạp chí khoa học, số 13 (03/2014), Trường Đại học Trà Vinh.